TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **570**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 527/2025/HNST ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Điền D**, sinh ngày 16/10/1978.

CCCD số: 079078018425 do Cục Cảnh sát QLHC về TTTXH cấp ngày 29/04/2021.

Địa chỉ: 124/9 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 124/9 L, phường V, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày 21/04/1979.

CCCD số: 049179012196 do Cục Cảnh sát QLHC về TTTXH cấp ngày 27/11/2021.

Địa chỉ: 76/9/8 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là:76/9/8 X, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2007 cấp ngày 30/08/2007 của Ủy ban nhân dân Phường V, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

2.2.Về con chung: Có 01 con chung tên Điền Gia B, sinh ngày 03/05/2008 (Giấy khai sinh số 218, quyển số 01/2008 cấp ngày 16/06/2008 của UBND phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) . Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Điền Gia B, cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3.Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T cùng chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)*đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)*đồng mà Ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo Biên lai thu số 0030466 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Điền D và bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- UBND phường Tân Sơn Nhất, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Thị Thủy Tiên